

CÔNG TY TNHH AGA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AGA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AGA VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109450825

3. Ngày thành lập: 09/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số Nhà 6, Ngách 58/23/33, Phố Trần Bình, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
2.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
3.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
6.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
7.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
8.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	2420
9.	Đúc sắt, thép	2431
10.	Đúc kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	2432
11.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
12.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu	2599
13.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
14.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
15.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
16.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
17.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
18.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
19.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
20.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

21.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
22.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
23.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
24.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
25.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
26.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
27.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
28.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
29.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
30.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
31.	Sản xuất máy luyện kim	2823
32.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
33.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
34.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất, buôn bán, lắp ráp, sửa chữa, cho thuê máy móc trang thiết bị phục vụ cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản, máy móc, trang thiết bị, xử lý môi trường các khu công nghiệp, cơ khí; - Sản xuất, buôn bán, chế biến lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy, hải sản, các mặt hàng thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; - Sản xuất, buôn bán dầu mỡ nhờn, dầu mỡ thực vật, hóa chất (trừ các loại hóa chất Nhà nước cấm);	3290
35.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
36.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
37.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
38.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
39.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
40.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
43.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
44.	Tái chế phế liệu	3830
45.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

46.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
47.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá)	4610
52.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
53.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
54.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
55.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy nông nghiệp, công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng thiết bị và dụng cụ đo lường; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.	4659(Chính)
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	4662
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại	4669
61.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
62.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
65.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
66.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
68.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
69.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);	5610
70.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar);	5630
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng, xây dựng và kỹ thuật dân dụng.	7730
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
73.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
74.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
75.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
76.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
77.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
Số giấy chứng thực cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ GẤM _____ Giới tính: Nữ
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: 29/10/1985 _____ Dân tộc: Kinh _____ Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: 036185012536
Ngày cấp: 09/08/2019 _____ Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 12/23/83 Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số 12/23/83 Chùa Hàng, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội